

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2018/DS-ST
Ngày: 05-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Dung
2. Ông Phan Thành Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 411/2017/TLST-DSST ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 6BB tầng 9, khối 1, chung cư KG – TH, số 377 TH, phường T, quận P, Thành phố Z.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh N, sinh năm 1977

Địa chỉ: 18/3 Nguyễn Lâm, Phường A, Quận B, Thành phố Z.

Các đương sự vắng mặt tại tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2017 và tại bản tự khai của nguyên đơn ông Nguyễn Thành L trình bày như sau:

Ông và bà N làm việc chung với nhau nên khi bà N nhờ ông hỏi vay tiền thì ông đã đồng ý. Ngày 05/3/2016, ông cho bà N vay số tiền

60.000.000 đồng theo giấy vay tiền cùng ngày, hai bên thỏa thuận thời hạn trả trong vòng 03 tháng. Tuy nhiên, từ khi vay và nhận tiền cho đến nay bà N luôn cố tình né tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do nhiều lần yêu cầu nhưng bà N không trả nên ông khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền còn thiếu là 60.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh N vắng mặt trong suốt quá trình tòa thụ lý và giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn vắng mặt, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngày 05/3/2016 bà N có viết giấy vay tiền ông L nhưng hết thời hạn bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông L khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: do bị đơn bà Nguyễn Thanh N cư trú tại Quận 10, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét bị đơn bà Nguyễn Thanh N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn ông Nguyễn Thành L là hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[4] Xét hình thức và nội dung của giấy vay tiền ngày 05/3/2016 xuất phát từ sự tự nguyện và không trái quy định của pháp luật, nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[5] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu, Hội đồng xét xử nhận thấy và phân tích như sau: căn cứ giấy vay tiền ngày

05/3/2016 có chữ ký ghi tên bà Nguyễn Thanh N xác nhận vay của ông Nguyễn Thành L số tiền 60.000.000 đồng, hẹn trong 03 tháng sẽ trả. Quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được, ông L đều xác nhận bà N chưa trả cho ông bất kỳ khoản tiền nào gồm cả gốc và lãi. Mặc khác, bà N vắng mặt trong quá trình tòa giải quyết vụ án không có lời khai cũng như không giao nộp các tài liệu chứng cứ nào khác. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “ Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Từ những phân tích trên có cơ sở xác định bà N còn nợ ông L số tiền 60.000.000 đồng.

[5.2] Về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn ông L yêu cầu trả lãi là 2%/tháng trên số tiền còn nợ. Xét giấy vay tiền ngày 05/3/2016 các bên chỉ ghi số tiền vay không ghi lãi suất vay nhưng tại đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn xác nhận hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng và bị đơn không có ý kiến đối với thỏa thuận này nên căn cứ khoản 1 Điều 119 Bộ luật dân sự xác định giao dịch của hai bên được thể hiện bằng lời nói là đúng theo hình thức quy định pháp luật. Do giao dịch dân sự giữa hai bên được xác lập vào ngày 05/3/2016 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định “*Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*”. Mặc khác, căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 01/12/2010 quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm và quy định khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 quy định “*lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố...*”. Do đó, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng là vượt quá quy định pháp luật nhưng quá trình giải quyết vụ án, ông L thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ giấy vay tiền nêu trên, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ trong vòng 03 tháng nên bà N phải có nghĩa vụ trả số tiền cho ông L khi đến hạn tính từ ngày viết giấy vay tiền. Do bà N không thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi theo đúng cam kết nên từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử buộc bà N trả tiền lãi như sau:

- Lãi trên nợ gốc tính từ ngày 06/3/2016 đến 05/6/2016 là $(60.000.000 \text{ đồng} \times 0.0375\%/\text{ngày}) \times 90 \text{ ngày} = 2.025.000 \text{ đồng}$.

- Lãi nợ quá hạn tính từ ngày 06/6/2016 đến ngày 05/6/2018 là $(60.000.000 \text{ đồng} \times 0.025\%/\text{ngày}) \times 729 \text{ ngày} = 10.935.000 \text{ đồng}$.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 119, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thành L số tiền 72.960.000 (bảy mươi hai triệu chín trăm sáu mươi ngàn) đồng theo giấy vay tiền ngày 05/3/2016 gồm tiền gốc là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng và tổng tiền lãi là 12.960.000 (mười hai triệu chín trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm là 3.648.000 (ba triệu sáu trăm bốn mươi tám ngàn) đồng, bà Nguyễn Thanh N chịu.

Trả lại cho ông Nguyễn Thành L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.100.000 (hai triệu một trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0040109

ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Nhân